

Bản án số: 05/2022/HC-ST

Ngày: 25/09/2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Minh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Lưu
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh

- Thư ký Tòa phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 05/2021/TLHC- ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn MN, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T là bà Nguyễn Thị M – Chuyên viên pháp lý thuộc Văn phòng luật sư NND, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã BH; Trụ sở: Xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BH.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BH.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn M – Sinh năm 1954;

3.2. Anh Nguyễn H – Sinh năm 1978;

3.3. Chị Bùi Thị P – Sinh năm 1989;

3.4. Cháu Nguyễn Bùi P – Sinh năm 2013;

3.5. Chị Nguyễn Thanh H – Sinh năm 1980;

3.6. Anh Nguyễn Xuân T – Sinh năm 1976;

3.7. Cháu Nguyễn Bảo Phương N – Sinh năm 2019;

Địa chỉ: Thôn MN, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội

Anh Nguyễn H và chị Bùi Thị P là người đại diện theo pháp luật của cháu P.

Anh Nguyễn Xuân T và chị Nguyễn Thanh H là người đại diện theo pháp luật của cháu N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và ông M: Luật sư Nguyễn Ngọc Đ - Văn phòng luật sư NNĐ, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Đại diện của người khởi kiện trình bày: Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 59 tại Thôn MN, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội có nguồn gốc của tổ tiên ông M để lại và vẫn sử dụng từ lâu đời. Thửa đất có các cạnh: Phía Đông giáp trục đường làng; Phía Tây giáp nhà ông V; Phía Nam giáp đường ngõ trại; Phía Bắc giáp nhà ông L. Diện tích là 3 sào tương đương với 1080m², gia đình ông M nhiều đời sinh sống trên thửa đất này không phát sinh tranh chấp liên quan đến ranh giới đất với các hàng xóm liền kề. Năm 1990, mẹ đẻ ông M là cụ Tô Thị H (Chết năm 2012) xây dựng tường đơn phía Đông đến nay vẫn còn. Phía Nam đất trước đây là tường đất, năm 1990 gia đình bà xây thêm tường gạch đơn, bỏ trụ ở phía trong đất của gia đình và xây trên chân tường đất cũ (tường đất cũ vẫn còn). Năm 2010, gia đình bà phá bức tường đất cũ và xếp gạch và cây cối đan xem nhau tại vị trí phía ngoài tường gạch.

Ngày 06/7/2002 hộ gia đình bà Lê Thị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011, chính quyền địa phương nâng cấp đường bê tông nên có trao đổi vận động gia đình bà hiến một phần đất phía Nam nhưng bà không đồng ý. Sau đó chính quyền thuê người ném số gạch 12.000 viên vào vườn và chặt bỏ hết các cây tại vị trí xếp gạch để mở rộng đường. Gia đình bà có ý kiến nhưng không được địa phương giải quyết.

Ngày 12/03/2020 gia đình bà T lại có đơn kiến nghị lên Ủy ban nhân dân xã BH đề nghị giải quyết về việc xã lấn chiếm đất của gia đình bà để làm đường. Ngày 06/11/2021, Ủy ban nhân dân xã BH lập biên bản làm việc với gia đình bà. Ngày 16/11/2020, Ủy ban nhân dân xã BH ra thông báo 155/TB-UBND không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của bà. Do không đồng ý với trả lời của Ủy ban nhân dân xã BH nên gia đình bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh yêu cầu:

1. Hủy bỏ toàn bộ Thông báo số 155/TB-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã BH về việc giải quyết đơn đề nghị của ông (bà): Nguyễn Văn M, Lê Thị T Thôn MN, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Buộc Ủy ban nhân dân xã BH thực hiện hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà T do làm đường giao thông.

Ngày 26/8/2022, Ủy ban nhân dân xã BH ban hành Quyết định số 141/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 155/TB-UBND vì vậy bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu “Hủy bỏ toàn bộ Thông báo số 155/TB-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã BH. Nay bà T tiếp tục yêu cầu giải quyết “Buộc Ủy ban nhân dân xã BH thực hiện hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà T do làm đường giao thông”.

Gia đình bà T đã thuê công ty đo đạc diện tích đang sử dụng là 1.045,5m² (cả phần đất đã làm đường). Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc của Tòa án xác phần chính quyền địa phương lấn của gia đình bà T = 17,6m² nằm ở cạnh phía Nam thửa đất. Cụ thể là hình tam giác, cạnh phía Tây 1,05m, cạnh phía Bắc là 33,5m, cạnh phía Nam 33,44m, không có cạnh phía Đông. Bà T xác định phần đất này nằm trong phần diện tích đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2002.

* Đại diện theo ủy quyền của bên bị kiện, ông Phan Thanh T trình bày: Ông T xác định, phần diện tích đất thực tế mà gia đình bà Lê Thị T đang quản lý, sử dụng do Tòa án tiến hành đo đạc là 1000,7m². So với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho gia đình bà T thì diện tích sử dụng thực tế đang lớn hơn 10,7m² vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ.

Ngày 26/8/2022, Ủy ban nhân dân xã BH đã ban hành Quyết định số 141/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 155/TB-UBND ngày 16/11/2020.

Đối với yêu cầu “Buộc Ủy ban nhân dân xã BH thực hiện hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà T do làm đường giao thông”, Ủy ban nhân dân xã BH xác định như sau: Chính quyền địa phương đã có chính sách làm đường và thực hiện việc làm đường từ năm 2011, sau khi làm đường gia đình bà T không có bất kỳ ý kiến, khiếu nại gì đối với Ủy ban nhân dân xã BH và chỉ đến năm 2021 thì gia đình bà T mới có đơn yêu cầu chính thức đến Ủy ban nhân dân xã BH. Hiện trạng thực tế hiện nay phần đất mà gia đình bà T đang yêu cầu đang là đường giao thông được dải bê tông, gia đình bà T cũng đã xây tường kiên cố tại vị trí hiện nay đang có tranh chấp từ năm 1990, chứ không phải mới xây dựng. Hiện trạng thực tế gia đình bà T vẫn đang sử dụng phần diện tích đất lớn hơn so với phần diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy Ủy ban nhân dân xã BH không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này của bà T và đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng thực tế.

Còn về việc hiện nay gia đình bà T đang sử dụng thực tế phần diện tích đất lớn hơn so với phần diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, ông M sau khi trình bày luận cứ bảo vệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; người tham gia tố tụng đã chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của người khởi kiện đã rút. Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã BH thực hiện hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà T do làm đường giao thông do không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án nên giành lại để giải quyết bằng một vụ án Dân sự khác nếu các bên có đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 16/11/2020, Ủy ban nhân dân xã BH ban hành Thông báo số 155/TB-UBND về việc giải quyết đơn đề nghị của ông (bà): Nguyễn Văn M, Lê Thị T Thôn MN, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Không nhất trí với thông báo trên, ngày 1/02/2021, ông Nguyễn Văn M gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã Bắc Hồng; Ngày 7/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M; Ngày 11/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh ra quyết định Đình chỉ vụ án do ông M rút đơn khởi kiện; Ngày 1/12/2021, bà T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu:

- Hủy bỏ toàn bộ Thông báo số 155/TB-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã BH về việc giải quyết đơn đề nghị của ông (bà): Nguyễn Văn M, Lê Thị T Thôn MN, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã BH thực hiện hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà T do làm đường giao thông.

Tại điểm a khoản 2 điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện là “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định buộc kỷ luật thôi việc” do đó Đơn yêu cầu của người khởi kiện nằm trong thời hiệu thụ lý vụ án.

* Xét yêu cầu của người khởi kiện:

a. Đối với yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Thông báo số 155/TB-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã BH:

Ngày 26/8/2022, Ủy ban nhân dân xã BH ban hành Quyết định số 141/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 155/TB-UBND; Ngày 12/09/2022, bà Lê Thị T nộp đơn xin nghị rút một phần yêu cầu đối với yêu cầu này và yêu cầu đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của người khởi kiện.

b. Đối với yêu cầu “Buộc Ủy ban nhân dân xã BH thực hiện hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà T do làm đường giao thông”:

Ngày 06/07/2002, Hộ gia đình bà Lê Thị T được UBND huyện Đông Anh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 59, tờ bản đồ số 40, diện tích 990 m² tại thôn Mỹ Nội, xã Bắc Hồng. Năm 2011 chính quyền địa phương tiến hành làm đường tiếp giáp cạnh phía Nam thửa đất của gia đình bà T.

Theo kết quả xem xét, thẩm định của Tòa án và kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn thể hiện như sau:

+ Phần diện tích đường nằm trong bản đồ (cạnh phía Nam) do gia đình bà T chỉ = 13,1m². Phần diện tích đường nằm trong bản đồ (cạnh phía Nam) gia đình bà T không chỉ = 0,2m².

Tổng cộng diện tích đất có trong bản đồ (cạnh phía Nam) hiện nay gia đình bà T không sử dụng = 13,3m².

+ Phần diện tích đường nằm ngoài bản đồ (cạnh phía Đông) gia đình bà T đang sử dụng = 30,2m² (Có sơ đồ kèm theo)

Như đã phân tích ở trên, do Ủy ban nhân dân xã BH đã ban hành quyết định thu hồi, hủy bỏ thông báo 155/TB-UBND ngày 16/11/2020. Vì vậy yêu cầu buộc hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm do làm đường giao thông của bà T không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này, cần giành lại để giải quyết bằng một vụ án Dân sự khác nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu.

Án phí Hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị T là người trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí;

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 29, 30, 31, 173, 193, 204, 206 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy bỏ “Thông báo số 155/TB-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã BH”.

2. Giành lại yêu cầu “Buộc Ủy ban nhân dân xã BH thực hiện hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà T do làm đường giao thông” của bà Lê Thị T để giải quyết bằng một vụ án Dân sự khác nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt án hợp lệ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán

Ngô Minh Cường

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THA huyện Đông Anh.
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Minh Cường

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà nội, ngày 30 tháng 11 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 ngày 30/11/2015, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 143/2014/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2014 về việc “*Tranh chấp về thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2015/QĐST - DS ngày 27/10/2015 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2015/QĐST - DS ngày 13/11/2015 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Hải**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn Hải là ông Trịnh Khánh Toàn, sinh năm 1972, địa chỉ: Số 16 ngách 814/3 đường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 07.01.2015, số công chứng 35/2015/GUQ, quyền số 01-TP/CC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Quốc Thái, địa chỉ 577 đường Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội).

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hiệp**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Nguyễn Thị Mẫn, sinh năm 1939

Địa chỉ: Thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2/ Bà Nguyễn Thị Phòng, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn Đản Mỗ, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3/ Bà Nguyễn Thị Hàn, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo uỷ quyền của các bà Mẫn, Phòng và Hàn là Ông Phạm Quốc Thanh, sinh năm 1977; Trú tại: tổ 29 phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Theo Giấy uỷ quyền ngày 22.12.2014, số công chứng 2052,2053,2054/GUQ, quyền số 05-TP/CC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Quốc Thái, địa chỉ 577 đường Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội).

4/ Chị Nguyễn Thị Liễu, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

5/ Chị Nguyễn Thị Toan, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

6/ Chị Nguyễn Thị Uyên, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Phúc Lộc, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

7/ Anh Nguyễn Văn Điệp, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

8/ Chị Ngô Thành Huế, sinh năm 1984 (vợ anh Điệp)

9/ Chị Lê Thị Toán, sinh năm 1977(vợ anh Hiệp).

10/ Cháu Nguyễn Tiến Anh, sinh năm 2004 (con anh Hiệp)

11/ Cháu Nguyễn Tiến Hoàng, sinh năm 2002 (con anh Hiệp)

Cùng có địa chỉ: Thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu Tiến Anh và Tiến Hoàng là bố mẹ đẻ của các cháu: Anh Nguyễn Văn Hiệp và chị Lê Thị Toán

12/ Chị Nguyễn Thị Liễu, sinh năm 1965 (là người thuê nhà trọ).

Địa chỉ: thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

13/ Ông Nguyễn Phước Linh, sinh năm 1965 (là người thuê nhà trọ).

Hộ khẩu thường trú: số 133 tập thể điện Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội; Tạm trú: thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

14/ Chị Khuất Thị Sen, sinh năm 1986 (là người thuê nhà trọ).

15/ Cháu Lê Ngọc Ánh, sinh năm 2008 (là người thuê nhà trọ).

16/ Cháu Khuất Duy Thuận, sinh năm 2005 (là người thuê nhà trọ).

Cùng có hộ khẩu thường trú: Thôn 5 Quảng Sơn, ĐakGlong, Đak Nông, Tạm trú: thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của các cháu Ánh và Thuận là mẹ đẻ của các cháu: Chị Khuất Thị Sen.

Về việc ***“Tranh chấp về thừa kế” Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trung Thông

Bà Nguyễn Thị Nghiêm

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3 và đã quyết định như sau:

Áp dụng :

- Áp dụng các điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656 Bộ luật dân sự năm 1995. Điều 599, 600 và 733 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013

- Khoản 5 Điều 25, Điều 179, Điều 243, Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Điểm b khoản 1 Điều 24, Khoản 7, 13 Điều 27, khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án..

Xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Nguyễn Văn Hải.

- Xác định cụ Nguyễn Thị Ba chết ngày 16/01/2008, thời hiệu chia thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ba vẫn còn. Thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ba là ngày 16/01/2008.

- Xác định bản di chúc đề ngày 28/10/2000 của cụ Nguyễn Thị Ba là di chúc hợp pháp. Tài sản của cụ Nguyễn Thị Ba để lại được chia theo di chúc.

- Xác định người thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị Ba là ông Nguyễn Văn Hải.

- Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị Ba là 215m² đất tại thửa đất số 41; tờ bản đồ số 5C thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội nay là thửa đất số 38 tờ bản đồ số 79 tại thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trị giá 4.300.000.000đồng chia thừa kế theo di chúc cho ông Nguyễn Văn Hải.

- Giao cho ông Nguyễn Văn Hải diện tích đất được chia thừa kế theo di chúc là 168,4m² tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5C thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội nay là thửa đất số 38 tờ bản đồ số 79 tại thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội trị giá 3.368.000.000đồng. Ranh giới đất được xác định như sau: Chiều giáp ngõ xóm là 7,65m; Chiều giáp nhà đất do vợ chồng anh Hiệp đang quản lý là 21,26m; Chiều giáp nhà đất hộ bà Nguyễn Thị Nhỡ là 21,68m; Chiều ngang giáp nhà ông Nguyễn Văn Bình có các cạnh 5,57m và 2,42m (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Buộc gia đình anh Nguyễn Văn Hiệp phải trả lại phần diện tích 168,4m² đất tại thửa đất số 41; tờ bản đồ số 5C thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội nay là thửa đất số 38 tờ bản đồ số 79 tại thôn Phan Xá, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội cho ông Nguyễn Văn Hải và phải có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản gắn liền với đất gồm 06 gian nhà trọ cấp 4, lán tôn, tường bao quanh, cổng, sân xi măng trả lại phần đất cho ông Nguyễn Văn Hải.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ cho gia đình anh Hiệp số tiền 50.000.000đồng tiền san lấp mặt bằng, số tiền này được trừ vào số tiền gia đình anh Hiệp thanh toán trị giá quyền sử dụng đất cho ông Hải. Do vậy sau khi đối trừ nghĩa vụ cần buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn Hiệp thanh toán trị giá quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Hải số tiền 882.000.000đồng.

- Buộc những người đang thuê nhà tạm trú trên phần đất của ông Hải được giao chuyển đi nơi khác để trả lại cho ông Hải phần đất được giao. Nếu có tranh chấp về hợp đồng thuê nhà thì được giải quyết bằng vụ kiện khác nếu có căn cứ và có yêu cầu.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đã được phân chia theo quy định của pháp luật.

Bác tất cả các yêu cầu khác của các bên đương sự.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Hải phải chịu 99.360.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 12.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 6449 ngày 09/12/2014 của chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh; Ông Hải còn phải nộp tiếp số tiền 87.360.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng anh Nguyễn Văn Hiệp phải chịu 38.460.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh TP Hà Nội.

Phạm Văn Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Anh, ngày 17 tháng 10 năm 2013

BÁO CÁO ÁN DÂN SỰ

Kính gửi: Lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Tên tôi là: **Phạm Văn Tiến** - Thẩm phán

Tôi được lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện Đông Anh phân công giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 15/2013/DSST ngày 05 tháng 02 năm 2013 về việc “**Tranh chấp chia thừa kế**”.

Dự kiến xét xử vào ngày 27 / 10 /2013.

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn Hải**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Bà **Trần Thị Xuân**, sinh năm 1964

Và anh **Nguyễn Văn Phúc**, sinh năm 1993

Đều có địa chỉ: Thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Chị Nguyễn Thị Hoà, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2/ Chị Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm Mít, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

3/ Cụ Đỗ Thị Lới, sinh năm 1925. Người đại diện theo uỷ quyền cho cụ Lới là ông Nguyễn Văn Nông, sinh năm 1964.

Đều có địa chỉ: Thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ KIẾN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2013 và các bản tư khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hải trình bày:

- Về quan hệ huyết thống: Bố anh là ông Nguyễn Văn Sinh, sinh năm 1952, chết ngày 26/ 10/2003. Mẹ anh là bà Đỗ Thị Hiền, sinh năm 1959. Bố mẹ anh có sinh được ba người con là:

1/ Nguyễn Thị Hoà, sinh năm 1981

2/ Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1983.

3/ Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1985.

Bà nội anh là cụ Đỗ Thị Lới, sinh năm 1925 và ông nội anh là cụ Nguyễn Văn Long, sinh năm 1918, đã chết năm 1978.

Năm 1986, bố anh ly hôn với mẹ anh. Theo bản án số: 229 ngày 24/5/1986 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội thì cả ba chị em nhà anh do mẹ anh nuôi dưỡng. Sau đó bố anh sống chung cùng với bà Trần Thị Xuân, sinh năm 1964 (bị đơn) như vợ chồng (có đăng ký kết hôn với nhau hay không anh không biết). Bố anh và bà Xuân sinh được 01 người con là Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1993 (đồng bị đơn).

- Về di sản thừa kế: Bố anh là ông Nguyễn Văn Sinh chết không để lại di chúc. Di sản của bố anh để lại gồm: Diện tích khoảng 170 m² đất tại thửa đất số 44; tờ bản đồ số 02 thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc đất là do bố mẹ anh được cấp đất giãn dân, bố mẹ anh được cấp vào năm nào anh không nhớ. Quá trình chung sống, bố mẹ anh đã xây ngôi nhà cấp 4 hai gian lợp ngói ta, làm năm nào anh không rõ vì lúc đó anh còn nhỏ. Năm 1986, bố mẹ anh ly hôn, theo Bản án dân sự phúc thẩm số 229 ngày 24/5/1986 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, bố anh được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ nhà đất ở trên là diện tích khoảng 170 m² đất tại thửa đất số 44; tờ bản đồ số 02 và hai gian nhà cấp 4 trên đất tại thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Anh xác định đây là tài sản riêng của bố anh vì hình thành trước khi về chung sống với bà Xuân. Sau khi ly hôn với mẹ anh thì bố con anh vẫn thường xuyên đi lại, thăm nom lẫn nhau, khi còn sống bố anh có hứa sẽ chia cho anh một nửa mảnh đất và ngôi nhà trên là tài sản riêng của ông Sinh. Sau khi bố anh mất anh có đến gặp bà Xuân để bàn về việc

chia đất theo ý nguyện của bố anh nhưng không có kết quả gì. Ủy ban nhân dân xã Dục Tú đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành.

Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông Anh quyết chia thừa kế đối với khối di sản thừa kế do bố anh để lại theo pháp luật. Anh xin được hưởng bằng hiện vật là $\frac{1}{2}$ diện tích đất chạy dọc phần đất có sân gạch và ngôi nhà cấp 4 để lấy nơi thờ cúng cho bố anh. Anh tự nguyện không yêu cầu phần công sức của bố anh cùng với bà Xuân tôn tạo thửa đất và xây dựng ngôi nhà một tầng một tum.

*** Bị đơn bà Xuân trình bày:**

Năm 1992, bà sinh sống với ông Nguyễn Văn Sinh như vợ chồng, lúc đó ông Sinh đã ly hôn với bà Đỗ Thị Hiền. Hai ông bà có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới, ông bà sinh sống trên thửa đất khoảng 170m² đất tại thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, trên đất có ngôi nhà cấp 4 hai gian của ông Sinh. Nguồn gốc đất là của mẹ ông Sinh là cụ Đỗ Thị Lới đứng ra xin cấp đất giãn dân cho ông Sinh với bà Hiền ở. Sau khi ông Sinh ly hôn với bà Hiền, ông Sinh là người sinh sống và được quyền quản lý. Năm 1993, bà sinh cháu Nguyễn Văn Phúc. Năm 1998, thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Sinh, hộ khẩu khi đó đứng tên một mình ông Sinh. Quá trình chung sống, ông bà đã đổ đất, san lấp, tôn tạo thửa đất trên. Năm 2003, ông Sinh chết, khi đó gia đình đang làm móng ngôi nhà 01 tầng 01 tum như hiện nay. Lúc ông Sinh chết, bà Hiền và các con có sang và đưa cho bà 1.000.000đồng. Còn toàn bộ chi phí ma chay, sang cát cho ông Sinh do bà đứng ra lo liệu. Năm 2006, bà mới tiếp tục xây dựng ngôi nhà 01 tầng như hiện nay.

Ông Sinh chết không để lại di chúc, di sản của ông Sinh để lại bà xác định gồm khoảng 170 m² đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 02 thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và ngôi nhà cấp 4 trên đất. Cộng với một phần công sức trong việc tu tạo thửa đất và ngôi nhà một tầng 01 tum do hai ông bà xây dựng.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên của anh Hải. Nếu phải chia thì bà đề nghị Tòa án tính công sức cho mẹ con bà.

*** Bị đơn anh Phúc trình bày:** Anh nhất trí với lời trình bày của mẹ anh tại Tòa án và không bổ sung gì thêm.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị Lới và ông Nguyễn Văn Nông là người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền trình bày:**

- Về quan hệ huyết thống: Chồng cụ Lới (bố ông) là Nguyễn Văn Long, đã chết năm 1978. Hai cụ có 7 người con gồm:

- 1, Chị Nguyễn Thị Song, sinh năm 1946.
2. Ông Nguyễn Văn Sinh, sinh năm 1952 chết năm 2003
3. Chị Nguyễn Thị Sôi sinh năm 1957
4. Chị Nguyễn thị Sói sinh năm 1960
5. Ông Nguyễn Văn Nông sinh năm 1964
6. Chị Nguyễn Thị Nghiệp sinh năm 1966

7. Anh Nguyễn Văn Nghự sinh năm 19639

Ông Nguyễn Văn Sinh là con trai trưởng. Năm 1976 cụ xây dựng gia đình cho ông Sinh với bà Hiền, ông Sinh bà Hiền có 03 người con là Nguyễn Thị Hoà, Nguyễn Thị Hằng và Nguyễn Văn Hải. Năm 1986, ông Sinh, bà Hiền ly hôn. Sau đó ông Sinh sống chung với chị Trần Thị Xuân và có một cháu là Nguyễn Văn Phúc. Ông Sinh, bà Xuân có đăng ký kết hôn hay không thì cụ Lối cũng như ông không nắm được.

- Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Nguồn gốc thửa đất hiện nay mẹ con bà Xuân đang quản lý là do cụ Lối được cấp đất giãn dân, thời gian nào cụ Lối không nhớ. Cụ Lối là người trực tiếp làm đơn xin cấp đất và nộp tiền 20.000đ để được cấp đất. Sau đó do nhà chật chội cụ Lối cho vợ chồng ông Sinh bà Hiền ra mảnh đất trên để ở tạm. Cụ Lối có làm ngôi nhà cấp 4 hai gian hiện nay vẫn còn. Sau khi ông Sinh, bà Hiền ly hôn, cụ lại cho ông Sinh với bà Xuân tiếp tục ở trên đất. Quá trình chung sống, ông Sinh, bà Xuân có tôn tạo, đổ đất và xây ngôi nhà 01 tầng 01 tum như hiện nay. Khi đang làm móng nhà thì ông Sinh chết.

Nay quan điểm của cụ Lối là thửa đất trên vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ. Chính cụ là người trực tiếp đi xin đất. Khi ông Sinh còn sống, cụ chỉ cho ông Sinh và bà Hiền ra ở nhờ, nay cụ cho cháu Nguyễn Văn Phúc được quản lý sử dụng thửa đất trên.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoà trình bày:**

Chị là con gái lớn của ông Nguyễn Văn Sinh và bà Nguyễn Thị Hiền bố mẹ chị sinh được ba người con là Nguyễn Thị Hoà sinh năm 1981, Nguyễn Thị Hằng sinh năm 1983 và Nguyễn Văn Hải sinh năm 1985. Năm 1986 bố mẹ chị ly hôn cả ba chị em chị đều ở với mẹ. Toàn bộ tài sản do bố mẹ chị tạo dựng được Toà án giao cho bố chị sở hữu cho đến khi mất. Sau khi ly hôn bố con chị vẫn đi lại thăm nom nhau thường xuyên. Trước khi mất bố chị có chung sống với bà Trần Thị Xuân và sinh được một người con là Nguyễn Văn Phúc. Khi bố chị mất ông nội chị đã mất trước bố chị còn bà nội chị là Đỗ Thị Lối vẫn còn sống nhưng không ở cùng với bố chị. Trước khi mất bố chị không để lại di chúc, nên ba chị em chị có đến gặp bà Trần Thị Xuân để bàn về việc chia nhà đất là tài sản riêng của bố chị nhưng không có kết quả gì.

Nay em trai chị là Nguyễn Văn Hải khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với khối tài sản của bố chị để lại chị không có ý kiến gì về việc khởi kiện này và vẫn có nguyện vọng được hưởng di sản của bố chị nhưng về phần thừa kế của chị được hưởng theo quy định của pháp luật thì chị cho em trai chị là Nguyễn Văn Hải được hưởng.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hằng trình bày:**

Chị là con gái thứ hai của ông Nguyễn Văn Sinh và bà Nguyễn Thị Hiền bố mẹ chị sinh được ba người con là Nguyễn Thị Hoà sinh năm 1981, Nguyễn Thị Hằng sinh năm 1983 và Nguyễn Văn Hải sinh năm 1985. Năm 1986 bố mẹ chị ly hôn cả ba chị em chị đều ở với mẹ. Toàn bộ tài sản do bố mẹ chị tạo dựng được Toà án giao cho bố chị sở hữu cho đến khi mất. Sau khi ly hôn bố con chị vẫn đi lại thăm nom nhau thường xuyên. Trước khi mất bố chị có chung sống với bà Trần Thị Xuân và sinh được một người con là Nguyễn Văn Phúc. Khi bố chị mất ông nội chị đã mất trước bố

chị còn bà nội chị là Đỗ Thị Lới vẫn còn sống nhưng không ở cùng với bố chị. Trước khi mất bố chị không để lại di chúc, nên ba chị em chị có đến gặp bà Trần thị Xuân để bàn về việc chia nhà đất là tài sản riêng của bố chị nhưng không có kết quả gì.

Nay em trai chị là Nguyễn Văn Hải khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với khối tài sản của bố chị để lại chị không có ý kiến gì về việc khởi kiện này và vẫn có nguyện vọng được hưởng di sản của bố chị để lại nhưng về phần thừa kế của chị được hưởng theo quy định của pháp luật thì chị cho em trai chị là Nguyễn Văn Hải được hưởng.

ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trực tiếp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Về quan hệ huyết thống:

Cụ Nguyễn Văn Long, đã chết năm 1978 và cụ Đỗ Thị Lới sinh được 7 người con gồm:

- 1, Chị Nguyễn Thị Song, sinh năm 1946.
2. Ông Nguyễn Văn Sinh, sinh năm 1952 chết ngày 26/10/2003
3. Chị Nguyễn Thị Sôi, sinh năm 1957
4. Chị Nguyễn thị Sói, sinh năm 1960
5. Ông Nguyễn Văn Nông, sinh năm 1964
6. Chị Nguyễn Thị Nghiệp, sinh năm 1966
7. Anh Nguyễn Văn Nghự, sinh năm 19639.

Năm 1976 Ông Nguyễn Văn Sinh kết hôn với bà Nguyễn Thị Hiền. Hai ông bà sinh được ba người con gồm:

- 1, Nguyễn Thị Hoà sinh năm 1981.
- 2, Nguyễn thị Hằng sinh năm 1983.
- 3, Nguyễn Văn Hải sinh năm 1985

Năm 1986, ông Nguyễn Văn Sinh ly hôn với bà Nguyễn Thị Hiền. Theo bản án số: 229 ngày 24/5/1986 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội thì chị Hoà, chị Hằng, anh Hải do bà Hiền nuôi dưỡng.

Năm 1992 ông Nguyễn Văn Sinh chung sống cùng với bà Trần Thị Xuân, sinh năm 1964 như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Ông Sinh và bà Xuân sinh được 01 người con là Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1993.

Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế tài sản:

Ông Nguyễn Văn Sinh chết ngày 26/10/2003 đến ngày 24/01/2013 anh Nguyễn Văn Hải gửi đơn khởi kiện đến Toà án nhân dân huyện Đông Anh vẫn còn trong thời hiệu yêu cầu chia thừa kế theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự.

*** Về nguồn gốc di sản :**

Nguồn gốc diện tích đất tại thửa đất số 44 tờ bản đồ số 02 thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 221448 cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Sinh ngày 26/8/1998 có diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 170m² (đo thực tế là 164,5m²). Nguồn

gốc trước đây do Hợp tác xã cấp đất giãn dân. Năm 1986 ông Nguyễn Văn Sinh và bà Nguyễn Thị Hiền ly hôn, theo Bản án dân sự phúc thẩm số 229 ngày 24/5/1986 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, ông Sinh được sở hữu hai gian nhà cấp bốn trên diện tích đất nêu trên tại thửa đất số 44 tờ bản đồ số 02 thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Di sản của ông Sinh để lại gồm:

Diện tích 164,5m² đất trị giá: 658.000.000đồng.

Nhà cấp 4 diện tích 14,9 trị giá: 3.504.000đồng.

Tổng cộng: 661.504.000đồng

Năm 2003 khi đang xây móng nhà 01 tầng một tum như hiện nay thì ông Sinh chết

Do nguyên đơn không yêu cầu phần công sức của ông Sinh cùng với bà Xuân tôn tạo thửa đất và xây dựng ngôi nhà một tầng một tum do vậy không đưa vào di sản thừa kế.

Các tài sản gồm:

* Nhà 01 tầng 01 tum:

- Gian buồng diện tích 19,3m² trị giá: 59.316.000đồng.

- Gian chính + Hiên diện tích 27,7m² trị giá: 92.458.000 đồng.

- Tum diện tích 19,3m² trị giá 11.348.000đồng.

- Sân gạch 382 diện tích 33,3 m² trị giá: 5.448.000đồng.

- Sân bê tông diện tích 50,3m² trị giá: 10.871.000đồng.

- Nhà vệ sinh diện tích 1,5 m² trị giá: 1.495.000đồng.

- Tường ngăn 12,7m² trị giá: 7.183.000 đồng.

- Giếng khoan trị giá: 2.457.000 đồng.

- Lối vào bằng xi măng diện tích 3,7m² trị giá 800.000đồng.

Tổng cộng: 191.376.000đồng

Thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Văn Sinh: là ngày 26/10/2003

Hàng thừa kế thứ nhất của Ông Nguyễn Văn Sinh gồm: Cụ Nguyễn Thị Lới, sinh năm 1925, chị Nguyễn Thị Hoà, sinh năm 1981, chị Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1983, anh Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1985, Anh Nguyễn Văn Phúc, sinh năm 1993.

Di sản của ông Sinh là: **661.504.000đồng.**

Quá trình quản lý, duy trì khối di sản của ông Sinh thì bà Trần Thị Xuân có nhiều công sức đóng góp, Vì vậy tính công sức cho bà Trần Thị Xuân bằng 1/6 di sản của ông Sinh để lại là phù hợp.

Như vậy: Di sản của ông Nguyễn Văn Sinh để lại được xác định trị giá là **661.504.000đồng.** Trích công sức cho cho bà Trần Thị Xuân bằng 1/6 = **110.250.666đồng.** Di sản ông Nguyễn Văn Sinh để lại còn là **551.253.334đồng.**

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Nguyễn Thị Lới là phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sinh mà cụ được hưởng trị giá **110.250.666đồng,** cụ cho anh Nguyễn Văn Phúc được hưởng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hoà và chị Nguyễn Thị Hằng là phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sinh mà các chị được hưởng trị giá **220.501.332đồng** các chị cho anh Nguyễn Văn Hải được hưởng.

Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Chia cho anh Hải toàn bộ trị giá vật liệu xây dựng ngôi nhà cấp 4 trị giá **3.504.000đồng**, diện tích 29,5 m² sân gạch đỏ trị giá: **4.826.937đồng**, diện tích 24,7m² sân xi măng, lối đi láng xi măng diện tích 3.7m² trị giá: **6.137.950m2**, tường ngăn trị giá: **5.543.067đồng** và quản lý sử dụng 70,2 m² đất về phía Đông Nam giáp phần đất của hộ gia đình ông Giàng, về phía Tây Bắc giáp phần đất của bà Xuân, anh Hải được chia tại thửa số 41, tờ bản đồ 02, có diện tích 170m² (diện tích thực tế 164,5m²) thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Trị giá = **304.315.954đồng**. So với phần được hưởng chia theo pháp luật **330.751.998đồng** còn thiếu **26.436.044đồng**. Số tiền này do bà Xuân và anh Phúc thanh toán.

- Chia cho bà Xuân, anh Phúc sở hữu ngôi nhà 01 tầng 01 tum trị giá: **152.950.000đồng**, nhà vệ sinh trị giá: **1.495.000đồng** và quản lý sử dụng 94,3 m² đất về phía Tây Bắc giáp phần đất của hộ gia đình ông Dương, về phía Đông Nam giáp với phần đất của anh Hải được chia tại thửa đất ở số 41, tờ bản đồ 02, có diện tích 170m² (diện tích thực tế 164,5m²) thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Trị giá = **377. 200.000đồng**.

Về ranh giới, vị trí, kích thước của thửa đất có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo.

So với phần được hưởng từ trích công sức của bà Xuân **110.250.666đồng** và phần di sản của anh Phúc được hưởng: **220.501.332đồng**, còn thừa **26.436.044đồng** bà Xuân, anh Phúc thanh toán trả cho anh Hải: **26.436.044đồng**.

- Anh Hải phải có trách nhiệm phá bỏ phần nhà cấp 4 mà anh được chia nằm trên phần đất bà Xuân, anh Phúc được chia.

- Bà Xuân, anh Phúc phải tự mở lối đi ra ngõ đi chung về phía Đông Bắc của thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.

- Các đương sự tự thỏa thuận xây tường rào ranh giới giữa hai phần đất được chia, nếu 1 bên không xây, bên kia có quyền xây dựng trên phần đất của mình được chia và được sở hữu bức tường ngăn ranh giới đó.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đã được phân chia theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

ĐỀ XUẤT

Áp dụng :

- Các điều: 674, 675, 676 và 685 của Bộ luật dân sự;
- Điều 50 Luật đất đai năm 2003;
- Điều 179, 245 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 điều 7, khoản 3 điều 13 Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin chia thừa kế nhà đất tại thửa đất ở số 41, tờ bản đồ 02 thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội của anh Nguyễn Văn Hải đối với bà Trần Thị Xuân và anh Nguyễn Văn Phúc.

2. Xác định ông Nguyễn Văn Sinh chết ngày 26/10/2003 không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế năm 26/10/2003 di sản được chia theo pháp luật cho cụ Đỗ Thị Lới, chị Nguyễn Thị Hòa, chị Nguyễn Thị Hằng, anh Nguyễn Văn Hải và anh Nguyễn Văn Phúc.

3. Di sản của ông Nguyễn Văn Sinh để lại được xác định trị giá là **661.504.000đồng**. Trích công sức cho cho bà Trần Thị Xuân bằng $1/6 = 110.250.666\text{đồng}$. Di sản ông Nguyễn Văn Sinh để lại còn là **551.253.334đồng**.

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Nguyễn Thị Lới là phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sinh mà cụ được hưởng trị giá **110.250.666đồng**, cụ cho anh Nguyễn Văn Phúc được hưởng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hoà và chị Nguyễn Thị Hằng là phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sinh mà các chị được hưởng trị giá **220.501.332đồng** các chị cho anh Nguyễn Văn Hải được hưởng.

Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

- Chia cho anh Hải toàn bộ trị giá vật liệu xây dựng ngôi nhà cấp 4 trị giá **3.504.000đồng**, diện tích 29,5 m² sân gạch đỏ trị giá: **4.826.937đồng**, diện tích 24,7m² sân xi măng, lối đi láng xi măng diện tích 3.7m² trị giá: **6.137.950m²**, tường ngăn trị giá: **5.543.067đồng** và quản lý sử dụng 70,2 m² đất về phía Đông Nam giáp phần đất của hộ gia đình ông Giàng, về phía Tây Bắc giáp phần đất của bà Xuân, anh Hải được chia tại thửa số 41, tờ bản đồ 02, có diện tích 170m² (diện tích thực tế 164,5m²) thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Trị giá = **304.315.954đồng**. So với phần được hưởng chia theo pháp luật **330.751.998đồng** còn thiếu **26.436.044đồng**. Số tiền này do bà Xuân và anh Phúc thanh toán.

- Chia cho bà Xuân, anh Phúc sở hữu ngôi nhà 01 tầng 01 tum trị giá: **152.950.000đồng**, nhà vệ sinh trị giá: **1.495.000đồng** và quản lý sử dụng 94,3 m² đất về phía Tây Bắc giáp phần đất của hộ gia đình ông Dương, về phía Đông Nam giáp với phần đất của anh Hải được chia tại thửa đất ở số 41, tờ bản đồ 02, có diện tích 170m² (diện tích thực tế 164,5m²) thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Trị giá = **377. 200.000đồng**.

Về ranh giới, vị trí, kích thước của thửa đất có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo.

So với phần được hưởng từ trích công sức của bà Xuân **110.250.666đồng** và phần di sản của anh Phúc được hưởng: **220.501.332đồng**, còn thừa **26.436.044đồng**

Buộc bà Trần Thị Xuân, anh Nguyễn Văn Phúc phải thanh toán phần chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Văn Hải: **26.436.044đồng**.

- Anh Hải phải có trách nhiệm phá bỏ phần nhà cấp 4 mà anh được chia nằm trên phần đất bà Xuân, anh Phúc được chia.

- Bà Xuân, anh Phúc phải tự mở lối đi ra ngõ đi chung về phía Đông Bắc của thôn Lý Nhân, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.

- Các đương sự tự thỏa thuận xây tường rào ranh giới giữa hai phần đất được chia, nếu 1 bên không xây, bên kia có quyền xây dựng trên phần đất của mình được chia và được sở hữu bức tường ngăn ranh giới đó.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đã được phân chia theo quy định của pháp luật.

Bác tất cả các yêu cầu khác của các bên đương sự.

**** Về án phí:***

- Anh Nguyễn Văn Hải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 16.537.600đồng được trừ vào số tiền 12.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 007574 ngày 05/2/2013 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, còn phải nộp 4.537.600đồng.

- Bà Trần Thị Xuân và anh Nguyễn Văn Phúc phải chịu 16.537.600đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**Quan điểm của Lãnh đạo
Toà án nhân dân huyện Đông Anh**

Thẩm phán

***Phạm Văn
Tiến***

